

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-PT

Ngày: 30-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: ông Khuru Đễ Dành; ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 82/2021/TLPT-HS ngày 08/6/2021 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

A, sinh năm 1989; nơi sinh: huyện E, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 7, ấp M, xã N, huyện E, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông T, sinh năm 1968 và bà V, sinh năm 1969; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ N, sinh năm 1989; bị cáo 02 người con: con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Nhân thân bị cáo: từ nhỏ sống chung với cha mẹ, đi học đến lớp 9 nghỉ, sau đó làm nghề lái xe cho đến ngày phạm tội. Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 31/10/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu dân cư Khóm 8, phường E A, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông C, sinh năm 1992, vắng mặt;

2. Bà D, sinh năm 1966, vắng mặt;

3. Ông Đ, sinh năm 1987, vắng mặt.

(Trong vụ án, bị cáo kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 31/10/2020, nhận được tin báo của quần chúng, lực lượng Công an huyện E tiến hành cho dừng 02 phương tiện xe ô tô tải chạy hướng D - X gồm:

- Xe biển số 67C - 077.39 do A điều khiển, phát hiện bắt quả tang trên xe cất giấu 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (1.000 bao hiệu Jet và 2.000 bao hiệu Hero) ở trong thùng xe, sát cabin được che đậy bằng những bao đường cát trắng, thuốc lá được để trong 12 bọc nilon đen, mỗi bọc đựng 250 bao;

- Xe biển số 67C - 126.55 do C điều khiển, phát hiện trên xe cất giấu 4.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (1.500 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero và 2.500 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet) ở trong thùng xe, sát cabin được che đậy bằng những bao đường cát trắng, thuốc lá được để trong 16 bọc nilon đen, mỗi bọc đựng 250 bao.

Trong lúc kiểm tra phương tiện, A và C bỏ chạy, lực lượng tiến hành truy đuổi bắt giữ được A, còn C chạy thoát. Đến ngày 03/01/2021 C ra đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu A thừa nhận số lượng 7.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (3.500 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero và 3.500 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet) được vận chuyển trên xe ô tô tải biển số 67C - 077.39 và xe ô tô tải biển số 67C - 126.55 là của A và C hùn tiền chung để mua của một người đàn ông tên Hùng (không rõ họ, địa chỉ) ở D, mục đích vận chuyển xuống Cần Thơ bán lại cho người phụ nữ tên Dì 7, tiền lời được chia đôi. Trong quá trình điều tra, bị can A thay đổi lời khai, không thừa nhận hùn tiền với C để mua, bán số lượng 7.000 bao thuốc lá điều nhập lậu, mà chỉ thực hiện hành vi độc lập mua, bán 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (1.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet; 2.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero). Ngoài ra A còn khai nhận, trước đó đã buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trót lọt được 05 chuyến (bán cho An Lê 01 lần số lượng 200 bao, bán cho Dì 7 được 03 lần mỗi lần 1.400 bao thuốc lá điều nhập lậu và một lần hùn cùng với C bán cho Dì 7 số lượng 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu).

C khai nhận 4.000 bao thuốc lá điều nhập lậu là C nhận chở thuê cho người khác, không thừa nhận việc hùn tiền chung với A buôn bán 7.000 bao thuốc lá điều nhập lậu như A đã khai.

Tang vật thu giữ: 1.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet; 2.000 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1, C tên A số 890113003434, do Sở Giao thông vận tải An Giang cấp ngày 27/02/2020; 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A50, màu xanh, IMEI 1: 356646103333951/01, IMEI 2: 356647103333959/01 gắn sim số 0917.563940

và 0898.460830 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 3323912 biển đăng ký 67C - 077.39 do Trạm Đăng kiểm xe cơ giới D thuộc Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ tỉnh An Giang cấp ngày 02/7/2020 (bản chính); 01 (một) Xe ô tô biển số 67C - 077.39, Nhãn hiệu: ISUZU, Loại xe: ô tô tải có mui, Số loại: FVM34W-C12, Số máy: 6HK1-663215, Số khung: RLEFVM34WE7001421, Tải trọng: 15.100 kg, Năm sản xuất: 2014 (đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong).

Ngày 08/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện E ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với A về hành vi “*Buôn bán hàng cấm*”.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS.CP ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E đã truy tố A về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo A 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2021, bị cáo A kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, và các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở xác định bị cáo A đã có hành vi buôn bán 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn bán hàng cấm*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù là mức đầu khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không cơ sở xem xét, cần ổn định bản án sơ

thẩm. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù.

Bị cáo A không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng, bị cáo đã rất ăn năn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: phiên tòa sơ thẩm xét xử vào ngày 29/4/2021. Ngày 04/5/2021, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, không liên quan đến kháng cáo, và phiên tòa phúc thẩm ở vào thời điểm tỉnh An Giang đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg, nên Tòa án không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tham dự phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi vận chuyển 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (1.000 bao hiệu Jet, 2.000 bao hiệu Hero), mục đích vận chuyển đến Cần Thơ để bán cho người phụ nữ gọi là Dì 7.

Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, vật chứng trong hồ sơ vụ án. Căn cứ quy định pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, bà ngoại của bị cáo (bà L) và ông N (em ruột của bà ngoại bị cáo) là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương

kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã lượng hình và quyết định xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù, mức đầu khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù quy định tại khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới để xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt: Bị cáo A 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2020.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (2);
- Công an huyện E (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- Bị cáo (1);
- Người có QLNVLQ (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh An Giang (1);
- Lưu hồ sơ.

Quách Tổ Giang